

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 66/2020/DSPT

Ngày: 30/6/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng

Chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

- *Các thẩm phán:* Ông Phạm Hoàng Dũng

Ông Trần Trí Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Cô Trần Thị Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân TP Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc *“Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và đòi lại tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 264/2019/DSST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2020/QĐPT – DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng B, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phạm Duy Huy P, sinh năm 1993. *(có mặt)*

Nơi cư trú: Đường Lê Hồng P, khu vực 2, phường T, quận B, thành phố Cần

Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2020)

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn L, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Hồng P, sinh năm 1985

Địa chỉ: Đường B, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. *(Văn bản ủy quyền ngày 29/6/2020)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Hồ Phước T, sinh năm 1994;

Nơi cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

3.2. Ông Phan Huy L, sinh năm 1964;

Nơi cư trú tại: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

3.3. Ông Ngô Hữu P, sinh năm 1972;

Nơi cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Do có kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Hoàng B trình bày và yêu cầu: Khoảng từ tháng 6/2016 đến tháng 11/2017 ông có làm cò mua lúa cho ông Hồ Văn L để hưởng hoa hồng mức 20đ/kg. Trong quan hệ làm ăn ông L có hùn làm ăn với ông Ngô Hữu P (chủ nhà máy T P) và ông Phan Huy L là người làm công cho nhà máy T P.

Ngày 13/9/2017 ông có nhận số tiền 800.000.000đ do ông L chuyển khoản để đi mua lúa cho ông L ở Sóc Trăng, ông đã chốt và hoàn tất việc mua lúa đối với 04 ghe lúa trị giá 832.301.000đ và đã chốt xong số tiền chênh lệch đối với số 800.000.000đ ông đã nhận.

Ngày 14/9/2017 ông có nhận số tiền 600.000.000đ do ông L chuyển khoản để đi mua lúa cho ông L tại Ấp B, xã V, huyện T, Tỉnh Sóc Trăng. Sau đó ông đã chốt và hoàn tất việc mua lúa đối với số tiền này đối với ông L và anh Hồ Phước T là

con ông L. Ông xác định là đã dùng số tiền 600.000.000đ để thanh toán cho 2 ghe lúa và thuê ghe anh Nguyễn Tuấn T(chở 31.158kg lúa, trị giá 172.483.000đ) và anh Nguyễn Tấn Đ (chở 33.425kg lúa, trị giá 186.912.000đ) để chở lúa về nhà máy T P. Trị giá hai ghe lúa là 359.395.000đ. Ngày 15/9/2017 ông đưa cho anh T 200.000.000đ tiền mua lúa còn dư lại, số tiền còn lại 40.605.000đ dùng để chi trả tiền cọc mua lúa và tiền nhân công thuê vác lúa vào ngày 14/9/2017. Việc ông giao tiền cho anh T và trả tiền cho hai ghe lúa thì đã được phía anh T xác nhận ghi vào sổ và nhập vào file excel máy tính. Như vậy ông đã đối chiếu xong số tiền 600.000.000đ với ông L .

Đến tháng 12/2017 ông Phan Huy L khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền 600.000.000đ (chuyển khoản ngày 14/9/2017) và lãi suất 0.83% tháng tính từ ngày 12/12/2017 đến ngày 14/9/2018 bằng 54.780.000đ .Quá trình giải quyết vụ án giữa ông L với ông thì ông đã chứng minh được số tiền 559.395.000đ, riêng số tiền còn lại chênh lệch 40.605.000đ thì ông chưa chứng minh được; vì vậy ông L và ông L đã thống nhất lời khai cho rằng số tiền 600.000.000đ mà ông L chuyển khoản không liên quan đến ông L. Tại bản án số 168/2018/DSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ đã có hiệu lực pháp luật là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 654.780.000đ và dành quyền khởi kiện cho ông đối với ông L trong vụ án khác nếu có phát sinh tranh chấp. Nên nay ông khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn L phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 559.395.000đ và lãi suất 0.83% tháng tính từ ngày 16/9/2017 đến ngày 20/12/2019) bằng với số tiền 125.360.000đ.

Bị đơn ông Hồ Văn L trình bày: Ông thống nhất mối quan hệ làm ăn chung giữa các đương sự như lời trình bày của nguyên đơn là đúng, nhưng về nội dung tranh chấp nguyên đơn trình bày là chưa đúng. Theo ông thì vào ngày 13/9/2017 ông có yêu cầu ông Phan Huy L chuyển cho nguyên đơn số tiền 800.000.000đ để mua lúa ở Sóc Trăng. Đến ngày 15/9/2017 anh T giao thêm cho nguyên đơn 300.000.000đ tiền mặt. Sau khi giao tiền xong hai bên tiến hành chốt sổ sách tổng cộng 06 ghe lúa trị giá 1.100.000.000đ. Trong 06 ghe lúa trên thì có 02 ghe chốt sổ ngày 14/9/2017 và việc làm ăn giữa ông và ông B cũng đã chốt sổ hoàn tất. Ông xác định là ngày 14/9/2017 ông L chuyển tiền 600.000.000đ cho ông B là mua lúa cho cá nhân ông L và ông không có yêu cầu ông B mua chuyển lúa này nên không biết việc ông B mua 02 ghe lúa và chi trả số tiền 600.000.000đ. Riêng số tiền 200.000.000đ ông B đưa cho anh T là tiền riêng của ông không liên quan đến số

tiền 600.000.000đ ông L chuyển khoản cho ông B. Qua yêu cầu khởi kiện của ông B ông không đồng ý, vì việc làm ăn giữa ông và ông B đã chốt sổ hoàn tất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Huy L trình bày: khoảng từ năm 2015 đến tháng 11/2017 ông và ông Lê Hoàng B có làm ăn chung với nhau thông qua việc ông B là cò mua lúa cho ông Hồ Văn L, còn ông là người làm công cho nhà máy T P. Thông thường ông B sẽ tìm người bán lúa để báo cho ông L biết và chốt giá mua lúa xong đặt cọc cho bên bán lúa. Sau khi mua bán xong ông B có nhiệm vụ chốt hoàn tất số tiền đã mua lúa với ông L (việc chốt sổ thực hiện xong trong ngày hoặc trễ nhất là ngày hôm sau). Tuy nhiên ngày 13/9/2017 ông có chuyển khoản cho ông B số tiền 800.000.000đ nhưng ông B chưa chốt hoàn tất số tiền này. Ngày 14/9/2017 ông tiếp tục chuyển khoản 600.000.000đ để ông B mua lúa ở huyện Trần Đề tỉnh Sóc Trăng. Sau đó ông B chỉ chốt và hoàn tất số tiền 800.000.000đ mà không chốt số tiền 600.000.000đ, ông đã nhiều lần yêu cầu ông B chốt sổ để thanh toán số tiền này nhưng ông B không thực hiện. Nên ông đã khởi kiện ông B tranh chấp số tiền 600.000.000đ và đã được Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ giải quyết bằng bản án số 168/2018/DSST ngày 29/11/2018 đã có hiệu lực pháp luật, tranh chấp giữa ông và ông B đã giải quyết xong. Hiện nay ông xác định là không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này nên có yêu cầu vắng mặt khi Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Phước T trình bày: Anh là con của ông Hồ Văn L, anh phụ giúp ông L chốt sổ mỗi lần mua lúa với các cò, sau khi chốt sổ xong thì chuyển số liệu về nhà máy T P, tiếp đến anh nhập số liệu đã chuyển lúa mua cho nhà máy vào file excel máy tính theo dõi của anh. Anh xác định ngày 15/9/2017 có chốt sổ số tiền 800.000.000đ (do ông L chuyển ngày 13/9/2017) và số tiền 300.000.000đ (do anh trực tiếp giao cho ông Bảo) với ông B để chốt sổ 06 ghe lúa. Ghe anh Nguyễn Tuấn T (chở 31.158kg lúa, trị giá 172.483.000đ) và anh Nguyễn Tấn Đ (chở 33.425kg lúa, trị giá 186.912.000đ) và cùng 04 ghe lúa của anh Q, anh T1, anh B1 và anh T (nhận trước ngày 14/9/2017). Khi chốt sổ anh có báo về phòng kế toán nhà máy T P và sau đó nhập vào file excel theo dõi như ông B đã cung cấp. Anh xác định 02 ghe lúa mà anh Đ và anh T có chở lúa về nhà máy nhưng chở về chi nhánh nào của nhà máy T P thì anh không rõ. Ngày 15/9/2017 ông L có kêu anh nhận số tiền 200.000.000đ do ông B giao lại tại Sóc Trăng và anh có ghi vào sổ nhưng tiền gì thì anh không rõ. Hiện nay anh xác định là không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hữu P trình bày: Ông là chủ nhà máy T P ông thống nhất về mối quan hệ làm ăn giữa các bên như nguyên đơn trình bày là đúng và ông Phan Huy L là người làm công trong nhà máy của ông. Thông thường kế toán nhà máy yêu cầu ông L chuyển tiền cho ông L mua lúa để nhà máy xay gạo thành phẩm bán. Ngày 14/9/2017 ông L đã chuyển cho ông B số tiền 600.000.000đ để mua lúa ở Sóc Trăng và ông B sử dụng số tiền này như thế nào thì ông không rõ. Việc hai ghe lúa chở thuê của anh Đ và anh T trị giá 359.395.000đ có chở lúa về nhà máy hay không ông cũng không rõ vì việc này là do kế toán và ông L ghi sổ sách để theo dõi đối chiếu. Ông xác định là không có ý kiến và yêu cầu gì khác đối với vụ án này nên có yêu cầu vắng mặt khi Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 264/2019/DSST ngày 20 tháng 12 năm 2019 TAND huyện Cờ Đỏ đã xét xử và Quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng B đối với bị đơn ông Hồ Văn L .

Buộc bị đơn ông Hồ Văn L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lê Hoàng B số tiền 648.755.000đ (trong đó vốn gốc 559.395.000đ và tiền lãi 125.360.000đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí DSST: ông Hồ Văn L phải nộp 31.390.000đ án phí.

Ông Lê Hoàng B được nhận lại 15.137.000đ theo biên lai thu số 001669 ngày 23/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền – thời hạn kháng cáo và Điều 20 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 22 tháng 12 năm 2019 bị đơn ông Hồ Văn L có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm chưa xem xét hết những chứng cứ mà ông đã cung cấp, ông đã ghi chép sổ sách cụ thể từng ghe, từng chủ ruộng số tấn số kg và giá trị đầu ra đó cụ thể, nhưng chưa được xem xét. Bản thân ông làm ăn đầu ra đó rất chân thật,

không lừa dối anh em. Do vậy ông kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết bác đơn khởi kiện của ông B kiện ông, vì khởi kiện không có cơ sở và không có chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Ông Lê Hoàng B khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn L phải trả cho ông số tiền vốn và Lãi tổng cộng là 648.755.000đ, vì trong quá trình ông làm cò mua lúa cho ông L mà ông L chưa thanh toán số tiền này với đối tác của ông L, ông là người nhận tiền chuyển khoản nên ông đã bị khởi kiện và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nên nay ông khởi kiện yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vì giữa ông và ông L chưa giải quyết số tiền này. Phía ông Hồ Văn L cho rằng giữa ông và ông B đã chốt sổ xong, không còn nợ nần gì với nhau, ông không liên quan đến số tiền mà ông L chuyển cho ông B như ông B trình bày. Vì vậy ông không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do các đương sự không thống nhất với nhau nên cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

Sau khi án sơ thẩm xử xong nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo. Bị đơn ông Hồ Văn L không đồng ý với bản án sơ thẩm và có đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo xác định là yêu cầu hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng như đương sự không được đọc lại biên bản phiên tòa, thu thập chứng cứ không đúng trình tự, chưa đối chất tại tòa các lời khai có mâu thuẫn nhau và chưa xem xét các chứng cứ mà bị đơn cung cấp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông L có yêu cầu nhờ luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, phiếu yêu cầu ngày 11/6/2020. Luật sư Bùi Quốc N đã làm thủ tục và nghiên cứu hồ sơ. Đến ngày 23/6/2020 ông L có văn bản thông báo cho Tòa án biết ông không tiếp tục yêu cầu luật sư nữa và chấm dứt tư cách luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời vào ngày 12/6/2020 ông L có lập hợp đồng ủy quyền cho bà Đoàn Thị Diễm T đại diện theo ủy quyền của ông trong giai đoạn phúc thẩm. Đến ngày 23/6/2020 ông L có văn bản thông báo cho Tòa án biết về việc ông chấm dứt ủy quyền với bà Diễm T. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông L nộp hợp đồng ủy quyền lập ngày 29/6/2020 về việc ông ủy quyền cho ông Đỗ Hồng P đại diện cho ông ở giai đoạn phúc thẩm, trong hợp đồng tại lời chứng của công chứng viên có sai về ngày và được phòng công chứng xác nhận (ngày 28/6/2020 được sửa chữa lại ngày

29/6/2020). Ông L xác nhận là đã rút lại yêu cầu luật sư và ủy quyền trước đây cho bà Diễm T, bằng văn bản ủy quyền ngày 29/6/2020 và tại phiên tòa hôm nay ông ủy quyền cho ông Đỗ Hồng P. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách của ông P là người ủy quyền của ông L .

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phức thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn có thay đổi nội dung kháng cáo so với đơn kháng cáo trước đây, bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy án sơ thẩm. Nhưng những lý do bị đơn nêu ra không có cơ sở để xem xét, nên không chấp nhận yêu cầu hủy án sơ thẩm của bị đơn. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nhận thấy nguyên đơn đã chứng minh được việc đã sử dụng số tiền 600.000.000 đồng do ông L chuyển khoản để mua 2 ghe lúa trị giá 359.395.000 đồng và đưa lại cho anh T 200.000.000 đồng. Việc này đã được anh T thừa nhận và 2 ghe lúa đã được nhập vào sổ sách của anh T và ông L . Riêng số tiền chênh lệch 40.605.000 đồng do nguyên đơn dùng để thuê nhân công vác lúa nên không có chứng từ, do vậy nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi số tiền 2 ghe lúa cộng với 200 triệu anh T nhận cùng với lãi suất. Phía ông L không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nhưng lại không chứng minh được 2 ghe lúa được chốt sổ xong và số tiền 200 triệu anh T là tiền của ông nhờ nguyên đơn chuyển lại cho anh T. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận.

Viện kiểm sát đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ y bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, với các lý do bị đơn nêu ra là bị đơn chưa được đọc lại biên bản phiên tòa sơ thẩm, vì trong biên bản ghi chưa đúng các câu trả lời của bị đơn và người liên quan. Nhận thấy lý do này là chưa có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ bị đơn thừa nhận là sau phiên tòa sơ thẩm bị

đơn bị đơn không có yêu cầu đọc lại biên bản phiên tòa đến khi hồ sơ chuyển lên cấp phúc thẩm bị đơn mới được biết. Vì vậy không thể cho rằng việc bị đơn chưa được đọc biên bản phiên tòa là cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng. Bị đơn còn nêu lý do việc thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm chưa đúng trình tự và chưa đầy đủ; đối với việc thu thập chứng cứ trong vụ án này có liên quan đến vụ án năm 2018 giữa ông L với ông B, mà ông L và anh T được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có những chứng cứ trong hồ sơ vụ án năm 2018 liên quan trực tiếp đến vụ án này, nên cấp sơ thẩm đã thu thập để xem xét trong vụ án này, nên trình tự thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm không trái với quy định. Ngoài ra, bị đơn còn cho rằng các lời khai của đương sự không thống nhất nhau nhưng phiên tòa sơ thẩm không đối chất. Xét thấy trước khi xét xử sơ thẩm cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất giữa các đương sự, tại phiên tòa các đương sự có quyền trình bày ý kiến của mình, lời trình bày của đương sự từ khi phát sinh tranh chấp đến khi xét xử có những thời điểm không trùng khớp nhau và có mâu thuẫn nhau, việc đánh giá lời khai của đương sự là do Hội đồng xét xử xem xét lời khai với các chứng cứ khác một cách toàn diện và khách quan trên toàn bộ hồ sơ, không phải chỉ riêng ở phiên tòa, không phải không đối chất tại phiên tòa sơ thẩm là cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng. Từ những phân tích nêu trên cho thấy cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng như lời trình bày của bị đơn. Mặc khác việc bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa có nội dung khác hoàn toàn với đơn kháng cáo ban đầu, vượt quá phạm vi kháng cáo. Do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để hủy án sơ thẩm theo yêu cầu của bị đơn.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn theo đơn kháng cáo thì nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng 2 ghe lúa trị giá 359.395.000 đồng (chủ ghe là anh Nguyễn Tấn Đ và Nguyễn Tuấn T đã được thanh toán và chốt sổ trong số tiền 800.000.000 đồng, không phải nằm trong số tiền 600.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Nhưng đây là lời trình bày của bị đơn, không được nguyên đơn thừa nhận. Trong khi lời khai của ông L và anh Thanh anh Đ (trong hồ sơ năm 2018) phù hợp với lời khai của ông B là về việc ông B đã sử dụng số tiền 600.000.000 đồng để mua lúa và thuê ghe anh Đ và anh T1 chở lúa. Phía bị đơn cho rằng có 2 ghe lúa này nhưng đã thanh toán xong nhưng bị đơn chưa chứng minh được việc đã chốt sổ, trong khi sổ sách của anh T ghi chép có thể hiện 2 ghe lúa, giá trị tiền và số lượng kg lúa phù hợp với lời trình bày của ông B. Căn cứ bảng thông tin chụp trên máy tính file excel do anh T lập và cung cấp thể hiện ngày 14/9/2017 ông B

chốt sổ với phía bị đơn, không phải chốt sổ trong sổ tiền 800.000.000 đồng trước đó. Ngoài ra, chính ông L là người chuyển tiền cho ông B đã trình bày là ông và ông B đã chốt xong khoảng tiền 800.000.000 đồng, còn số tiền 600.000.000 đồng ông B chưa chốt sổ nên ông đã khởi kiện ông Bảo. Bị đơn cho rằng việc 2 bên đối chiếu sổ tiền được ghi lại trong tờ giấy (không ghi ngày tháng lập) do anh T ghi (Bút lục số 90), nhưng đây là do anh T tự ghi từ giấy này, ông B không có ký xác nhận, có tẩy xóa và sửa chữa các con số và ghi nhiều màu mực thêm vào. Do vậy chứng cứ này chưa đủ cơ sở để xem xét theo yêu cầu của bị đơn. Bị đơn còn cung cấp văn bản trình bày bản ghi âm giữa ông B và anh T, nhưng nội dung bản ghi âm này có nội dung số tiền 800.000.000 đồng và 300.000.000 đồng, phần cuối có đề cập đến số tiền 600.000.000 nhưng không thể hiện cụ thể việc chốt sổ sách của 2 ghe lúa vào ngày tháng nào, và đây cũng chỉ là chứng cứ gián tiếp không phải chứng cứ trực tiếp duy nhất để xem xét về mặt nội dung vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nhận thấy: Trong vụ án giữa nguyên đơn và ông L năm 2018 nguyên đơn phải trả cho ông L số vốn 600.000.000 đồng và lãi suất, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho ông số tiền gốc 559.395.000 đồng và lãi suất. Lý do nguyên đơn yêu cầu số tiền không phải 600.000.000 đồng là do bị đơn trả 2 ghe lúa 359.000.000 đồng và 200.000.000 đồng anh T nhận lại từ nguyên đơn, số chênh lệch 40.605.000 đồng nguyên đơn sử dụng trả tiền đặt cọc mua lúa và cho thuê nhận công vác lúa, trả phí ngân hàng, do vậy nguyên đơn không có chứng từ thanh toán khoảng tiền này và bản án năm 2018 không chấp nhận số tiền này nên nay nguyên đơn không yêu cầu đủ 600.000.000 đồng. Qua các tài liệu thể hiện trong hồ sơ (kể cả hồ sơ năm 2018) thì phía bị đơn thừa nhận sổ sách bản chụp thông tin ghe lúa là do anh T con của bị đơn lập, anh T có nhận từ ông B 200.000.000 đồng để giao lại cho ông L. Từ những chứng cứ này do của bị đơn lập và lời thừa nhận của phía bị đơn phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp đúng quy định.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới, do vậy cấp phúc thẩm không thể thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát.

Các phần khác không có kháng cáo kháng nghị nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 158, Điều 166, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Y án sơ thẩm

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn L .

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng B đối với bị đơn ông Hồ Văn L.

Buộc bị đơn ông Hồ Văn L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lê Hoàng B số tiền 648.755.000đ (trong đó vốn gốc 559.395.000đ và tiền lãi 125.360.000đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Hồ Văn L phải nộp 31.390.000 đồng án phí.

Ông Lê Hoàng B được nhận lại 15.137.000đ theo biên lai thu số 001669 ngày 23/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Hồ Văn L phải chịu là 300.000đ; chuyển số tiền 300.000đ ông L đã nộp tạm ứng kháng cáo theo biên lai thu số 0122911. Ngày 23/12/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ đã thu, sang thành án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.CT;
- TAND H. Cờ Đỏ;
- THA H. Cờ Đỏ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Bùi Thị Cẩm Thúy